

Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 – 2025

Solutions to promote exports of Ca Mau province in the period of
2021 – 2025

Bùi Minh Tiến

Sở Công Thương tỉnh Cà Mau, học viên Trường Đại học Bình Dương

E-mail: minhtienscn@gmail.com

Tóm tắt: Xuất khẩu là lĩnh vực kinh tế quan trọng đối với các địa phương tại Việt Nam, và đặc biệt quan trọng đối với tỉnh Cà Mau có điều kiện phát triển kinh tế còn hạn chế. Hoạt động xuất khẩu sẽ góp đóng góp vào nguồn thu ngoại tệ, tạo việc làm, thu hút đầu nước ngoài, góp phần phát triển các ngành, lĩnh vực khác của tỉnh, đồng thời khai thác hiệu quả tiềm năng thế mạnh của tỉnh. Việc nghiên cứu thực trạng xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Cà Mau, trong giai đoạn 2017-2021 dựa trên nguồn dữ liệu thu thập, tiến hành tổng hợp tình hình xuất khẩu, phân tích các số liệu thu thập từ bộ dữ liệu sơ cấp và thứ cấp. Bài viết nghiên cứu được thực hiện nhằm các mục tiêu: (1) Phân tích thực trạng xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017-2021 để tìm ra những điểm mạnh cần phát huy và những tồn tại, nguyên nhân cần cải thiện; (2) Đề xuất các giải pháp để đẩy mạnh xuất khẩu tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025.

Từ khóa: đẩy mạnh xuất khẩu; hoạt động xuất khẩu; tỉnh Cà Mau; thực trạng xuất khẩu; xuất khẩu.

Abstract: Export is an important economic sector for localities in Vietnam, and especially important for Ca Mau province, where economic development conditions are limited. Export activities will contribute to foreign currency revenue, create jobs, attract foreign investors, contribute to the development of other industries and fields of the province, and at the same time effectively exploit the province's potential and strengths. The study of the export situation in Ca Mau province, in the period 2017 - 2021, is based on collected data, summarizes the export situation, and analyzes the data collected from the primary and secondary data set. The research article was conducted with the following objectives: (1) Analyzing the export situation in Ca Mau province in the period of 2017 - 2021 to find out the strengths that need to be promoted and the shortcomings and causes that need to be improved; (2) Proposing solutions to promote export of Ca Mau province in the period of 2021 - 2025.

Keywords: boost exports; Ca Mau province; export activities; export situation.

1. Đặt vấn đề

Cà Mau là tỉnh cực nam của Việt Nam, thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Cà Mau nằm ở 8°34' đến 9°33' vĩ độ Bắc và 104°43' đến 105°25' kinh độ

Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Kiên Giang, phía Đông Bắc giáp tỉnh Bạc Liêu, phía Đông và Đông Nam giáp biển Đông và

phía Tây và Tây Nam giáp Vịnh Thái Lan.

Cà Mau có diện tích ngư trường trên 80 nghìn km², trong lòng biển có nhiều loài thủy hải sản. Vì vậy, vùng biển Cà Mau là một trong những ngư trường khai thác biển lớn nhất cả nước. Tổng sản lượng thủy sản hàng năm đạt khoảng 600.000 tấn (sản lượng tôm 210.000 tấn). Trong đó: Sản lượng khai thác 240.000 tấn, sản lượng nuôi trồng 360.000 tấn. Riêng sản lượng tôm là 210.000 tấn (tôm nuôi 200.000 tấn; khai thác 10.000 tấn). Nuôi trồng thủy sản của tỉnh Cà Mau phát triển mạnh so với cả nước. Diện tích nuôi trồng thủy sản của tỉnh Cà Mau hiện nay hơn 300.000 ha, trong đó diện tích nuôi tôm gần 280.000 ha, với nhiều loại hình nuôi như: siêu thâm canh, thâm canh, bán thâm canh, quảng canh cải tiến, quảng canh kết hợp,...

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Cà Mau có nhiều chuyển biến tích cực, chế biến hàng xuất khẩu từng bước phát triển. Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016 – 2020 ước đạt 5.382,6 triệu USD, tăng bình quân 0,7%/năm, tăng 2,4% so với giai đoạn 2011 – 2015. Hoạt động xuất khẩu trở thành một trong những động lực quan trọng để phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo của tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động xuất khẩu vẫn còn những hạn chế và đứng trước nhiều khó khăn, thách thức như: phát triển chưa

tương xứng tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; tốc độ, giá trị kim ngạch chậm lại qua từng năm và có nguy cơ bị tụt hậu so các địa phương trong vùng; sức cạnh tranh của doanh nghiệp chưa cao, mức độ hội nhập còn thấp. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, nhất là các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu tôm, làm ảnh hưởng rất lớn đến khả năng tiêu thụ sản lượng tôm nuôi của người dân trong tỉnh, tác động mạnh đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm định hướng các giải pháp, kiến nghị về chính sách thích hợp giúp tỉnh Cà Mau đẩy mạnh xuất khẩu. Để giải quyết vấn đề đặt ra, bài viết cần đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

(1) Nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017 – 2021 để tìm ra những điểm mạnh cần phát huy và những tồn tại hạn chế và tìm ra nguyên nhân của hạn chế.

(2) Đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh xuất khẩu tỉnh Cà Mau giai đoạn đến năm 2025.

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phương pháp phân tích thống kê, so sánh và tổng hợp dựa trên nguồn dữ liệu thu thập được tiến hành phân tích, tổng hợp tình hình xuất nhập khẩu, từ đó đưa ra nhận định, đề ra các giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu tỉnh Cà Mau.

2.2. Dữ liệu nghiên cứu

Bài viết thực hiện phân tích đánh giá dựa trên bộ dữ liệu thứ cấp: Suu tầm, tra cứu và chọn lọc thông tin từ giáo trình, công trình nghiên cứu, các báo cáo của Cục Xuất nhập khẩu; các bài báo, tạp chí khoa học, kết luận phân tích đã được các tác giả khác thực hiện có liên quan đến hoạt động xuất khẩu; khai thác số liệu trong Niên giám thống kê, số liệu về hoạt động xuất khẩu của Tổng Cục hải quan, Sở Công Thương Cà Mau....

3. Kết quả thảo luận

3.1. Thực trạng xuất khẩu tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017 – 2021

Trong những năm qua, xuất khẩu hàng hóa tỉnh Cà Mau có những đóng góp tích cực vào công cuộc đổi mới đất nước, và là một trong những động lực chính của tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định chính trị, xã hội. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của tỉnh đang có chiều hướng giảm và chậm lại so với các tỉnh khu vực vùng ĐBSCL và cả nước, kết quả cụ thể đạt được:

Năm 2017, tổng kim ngạch XNK của tỉnh chiếm khoảng 5,3% tổng kim ngạch của Vùng, tương đương 1.233 triệu

USD. Giá trị XK đạt khoảng 1.089 triệu USD tăng 10,8% so với năm 2016, đứng thứ 4/13 tỉnh vùng ĐBSCL và đứng thứ 27/63 tỉnh, thành phố cả nước.

Năm 2018, tổng kim ngạch XNK của tỉnh chiếm khoảng 4,85% tổng kim ngạch của Vùng, tương đương 1.264 triệu USD. Giá trị XK đạt khoảng 1.073 triệu USD giảm 1,49% so với năm 2017, đứng thứ 6/13 tỉnh vùng ĐBSCL và đứng thứ 31/63 tỉnh, thành phố cả nước.

Năm 2019, Tổng kim ngạch XNK của tỉnh chiếm khoảng 3,74% tổng kim ngạch của Vùng, tương đương 1.041 triệu USD. Giá trị XK đạt khoảng 958 triệu USD giảm 10,73% so với năm 2018, đứng thứ 6/13 tỉnh vùng ĐBSCL và đứng thứ 34/63 tỉnh, thành phố cả nước. Các mặt hàng XK chính vẫn là thủy sản (95,47%) và đạm (4,53%).

Năm 2020, tổng kim ngạch XNK của tỉnh chiếm khoảng 3,69% tổng kim ngạch của Vùng, tương đương 1.038 triệu USD. Giá trị XK đạt khoảng 964 triệu USD tăng 0,67% so với năm 2019, đứng thứ 7/13 tỉnh vùng ĐBSCL và đứng thứ 36/63 tỉnh, thành phố cả nước.

Bảng 3.1. Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tỉnh giai đoạn 2017-2021

Đơn vị tính: Triệu USD

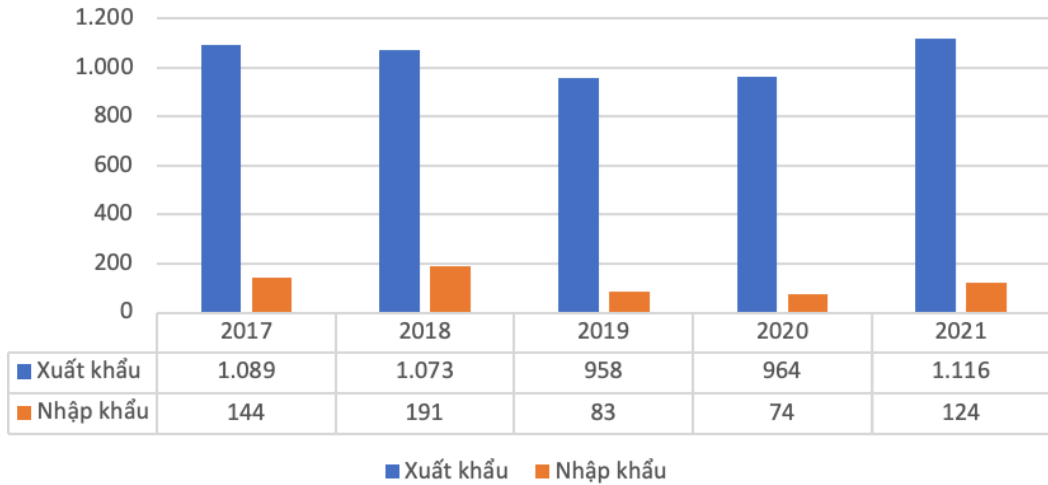
| Năm | Giá trị xuất khẩu | | | Giá trị nhập khẩu | | | Cán cân | Tổng giá trị XNK | | |
|------|-------------------|--------|--------------|-------------------|--------|--------------|---------|------------------|--------|--------------|
| | Vùng ĐBSCL | Cà Mau | Tỷ trọng (%) | Vùng ĐBSCL | Cà Mau | Tỷ trọng (%) | | Vùng ĐBSCL | Cà Mau | Tỷ trọng (%) |
| 2017 | 15.400 | 1.089 | 7,07 | 7.866 | 144 | 1,83 | 945 | 23.266 | 1.233 | 5,30 |
| 2018 | 17.394 | 1.073 | 6,17 | 8.672 | 191 | 2,20 | 882 | 26.067 | 1.264 | 4,85 |
| 2019 | 18.594 | 958 | 5,15 | 9.282 | 83 | 0,90 | 875 | 27.876 | 1.041 | 3,74 |
| 2020 | 18.772 | 964 | 5,14 | 9.323 | 74 | 0,79 | 890 | 28.095 | 1.038 | 3,69 |
| 2021 | 19.321 | 1.116 | 5,78 | 11.704 | 124 | 1,06 | 992 | 31.024 | 1.239 | 4,00 |

Nguồn: Tổng cục Hải quan

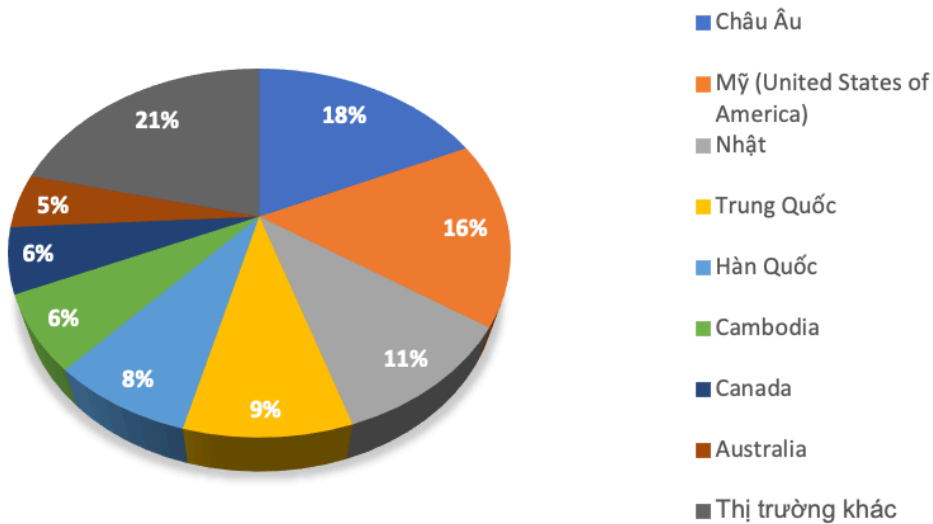
Bảng 3.2. Giá trị các mặt hàng xuất khẩu tỉnh giai đoạn 2017-2021

Đơn vị tính: Triệu USD

| Mặt hàng/năm | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
|------------------------|-------|-------|------|------|-------|
| Tổng giá trị xuất khẩu | 1.089 | 1.073 | 958 | 964 | 1.116 |
| Thủy sản | 1.061 | 1.040 | 904 | 886 | 1.028 |
| Phân đạm | 28 | 33 | 54 | 78 | 88 |



Biểu đồ 3.1. Kim ngạch xuất nhập khẩu tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017 – 2021



Biểu đồ 3.2. Thị trường xuất khẩu chính của Cà Mau

Tổng kim ngạch XNK năm 2021 của tỉnh chiếm khoảng 4% tổng kim ngạch của Vùng, tương đương 1.239 triệu USD. Giá trị xuất khẩu đạt khoảng 1.116 triệu USD tăng 15,71% so với năm 2020, đứng thứ 7/13 tỉnh vùng

ĐBSCL và đứng thứ 37/63 tỉnh, thành phố cả nước.

Giai đoạn 2017-2021, mặc dù tỉnh Cà Mau có quy mô nhỏ trong tổng XNK của ĐBSCL, nhưng tốc độ tăng trưởng

kim ngạch XK hàng hóa của tỉnh vẫn đạt tăng trưởng bình quân 4,6%/năm.

Thị trường xuất khẩu hàng hóa tỉnh Cà Mau được xuất khẩu sang hơn 60 quốc gia và vùng lãnh thổ, bao gồm những thị trường khó tính như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc.... Trong năm 2021, các nước Châu Âu chiếm tỷ trọng lớn nhất với 18%, tiếp đến là Mỹ chiếm 16%, Nhật Bản chiếm 11%, Trung Quốc chiếm 9%, Hàn Quốc chiếm 8%.... Các thị trường xuất khẩu thủy sản như: EU, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc,... là những thị trường truyền thống và lớn của tỉnh Cà Mau, những năm qua kim ngạch XK thủy sản qua thị trường này luôn duy trì và chiếm hơn hai phần ba tổng kim ngạch XK thủy sản hàng năm của tỉnh.

3.2. Những tồn tại, hạn chế

Có thể nhìn thấy rõ, trong giai đoạn 2017 – 2021, cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của tỉnh hầu như không thay đổi qua hàng năm, chủ yếu có hai nhóm hàng xuất khẩu là thủy sản và phân đạm; nhưng mặt hàng xuất khẩu chính vẫn là thủy sản, mặt hàng phân đạm chiếm tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh rất khiêm tốn.

Các sản phẩm tiềm năng cho xuất khẩu của tỉnh Cà Mau như: gạo, chuối, gỗ sản xuất, cua, may mặc chưa phát huy được tiềm lực cũng như sức cạnh tranh còn thấp. Thương hiệu, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp XK còn hạn chế, việc đầu tư vào sản xuất, chế biến mặt hàng XK chỉ dừng lại ở những sản phẩm thô, thiếu đa dạng về sản phẩm, sản xuất sản phẩm giá trị gia tăng còn hạn chế.

Công tác xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược, chính sách, quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp,... hiệu quả chưa cao, nhất là các chính sách hỗ trợ đẩy mạnh xuất khẩu. Bên cạnh đó, việc xây dựng và triển khai kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, việc triển khai thực hiện các cơ chế chính sách đã bộc lộ một số vướng mắc cần tháo gỡ, trong đó phải kể đến các rào cản về đất đai, quy mô và cách thức tổ chức sản xuất, việc tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi để nâng cao trình độ khoa học - công nghệ, ứng dụng công nghệ hiện đại còn nhiều khó khăn.

Công tác triển khai, tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ xuất khẩu, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường còn những hạn chế, hiệu quả xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường chưa cao, công tác quy hoạch thiếu đồng bộ, quy trình sản xuất, chế biến, bảo quản chưa bảo đảm chất lượng sản phẩm đầu ra ổn định nhằm đáp ứng các quy định khắt khe của thị trường xuất khẩu.

3.3. Nguyên nhân

Có thể có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, tồn tại trong hoạt động XK thời gian qua, trong đó có nhiều nguyên nhân khách quan xuất phát từ một tỉnh có nền kinh tế đang chuyển đổi, trình độ phát triển còn thấp, cũng như những nguyên nhân khách quan từ môi trường kinh doanh quốc tế đang có những diễn biến hết sức phức tạp, khó lường với nhiều bất ổn cả về kinh tế, xã hội, môi trường, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... Tuy nhiên, cần nhìn nhận các nguyên nhân chủ quan ảnh hưởng tiêu cực, hạn chế hiệu quả quản lý nhà nước

đối với hoạt động xuất khẩu thời gian qua:

Trước hết, đó là nhận thức và tư duy về chính sách quản lý XK còn những hạn chế, chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của phát triển xuất khẩu bền vững và chất lượng tăng trưởng trong hoạch định và thực thi các chính sách phát triển XK.

Cách tiếp cận và triển khai các chính sách phát triển XK thời gian qua còn chậm, chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đòi hỏi sự năng động, sáng tạo, chủ động, tích cực và nhạy bén với tầm nhìn dài hạn, bệnh thành tích còn nặng, còn thiên về số lượng, chưa chú trọng đúng mức đến chất lượng tăng trưởng.

Việc triển khai thực hiện chính sách XK chỉ quan tâm nhiều đến hiệu quả kinh tế và các mục tiêu kinh tế mà chưa chú trọng đến các vấn đề môi trường, xã hội, do đó phát triển XK thiếu bền vững.

Chưa xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong đầu tư phát triển một số ngành, lĩnh vực chủ lực của tỉnh; do đó chưa hấp dẫn cũng như đủ khả năng thu hút được các dự án có quy mô lớn trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, năng lực và các nguồn lực cho xây dựng và thực thi chính sách quản lý XK còn hạn chế, trên hết là nguồn lực con người, trong khi nguồn lực con người có ý nghĩa quyết định đối với xây dựng và thực hiện thành công chính sách XK đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững.

Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý xuất nhập khẩu còn hạn chế, nhất là lực lượng hải quan và thanh tra chuyên ngành còn quá mỏng, hạn chế cả về nhận thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lĩnh ngộ trong thực thi chính sách.

Với xuất phát điểm phần lớn là những doanh nghiệp vừa và nhỏ, nguồn lực hạn chế, thiếu kinh nghiệm quản lý, thiếu tầm nhìn và chiến lược cạnh tranh; công nghệ sản xuất còn lạc hậu, sức cạnh tranh kém so với một số đối thủ quốc tế; năng lực cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu chậm được cải thiện, phần lớn các mặt hàng xuất khẩu đều chưa xây dựng được thương hiệu riêng; ngành hàng thủy sản của tỉnh chưa có nhiều sản phẩm giá trị gia tăng.

Thứ ba, cơ sở hạ tầng chưa được quy hoạch và phát triển đồng bộ, đặt biệt là các khu, cụm công nghiệp chưa có mặt bằng sạch để thu hút phát triển dự án đầu tư; dịch vụ logistics chưa tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp XK, làm tăng chi phí vận tải và các chi phí khác.

4. Đề xuất giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025

4.1. Định hướng xuất khẩu

4.1.1. Mục tiêu

Phấn đấu tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021 – 2025 đạt 6.000 triệu USD. Giá trị xuất khẩu tăng từ 1.100 triệu USD năm 2020 lên 1.400 triệu USD vào năm 2025. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa giai đoạn 2021 – 2025 tăng trưởng bình quân 8 %/năm.

Mặt hàng xuất khẩu chủ lực tiếp tục phát triển các mặt hàng có lợi thế về

vùng nguyên liệu như các sản phẩm từ thủy hải sản, lâm sản, nông sản và nông sản chế biến sâu; khai thác phát triển các sản phẩm mới như dệt may, gạo và gỗ...

4.1.2. Định hướng mặt hàng xuất khẩu
Trong giai đoạn 2021 – 2025, với việc tiếp tục tận dụng được lộ trình miễn giảm thuế quan từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới đã có hiệu lực như Việt Nam-Hàn Quốc (VKFTA), Việt Nam - Nhật Bản (VJFTA), đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), đặc biệt là các Hiệp định mới như Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (Hiệp định EVFTA), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (Hiệp định UKVFTA), Asean - Hồng Kông (AHKFTA), RCEP,...với lộ trình xóa bỏ tới trên 90% dòng thuế, các sản phẩm xuất khẩu của tỉnh sẽ có xu hướng khai thác và phát triển, nhất là các sản phẩm như sản phẩm dệt may, nông sản và nông sản chế biến, thủ công mỹ nghệ, phân bón,...

4.1.3. Định hướng thị trường xuất khẩu
Thị trường các nước Liên minh Châu Âu (EU): EU là thị trường rộng lớn gồm 27 nước thành viên, dân số khoảng 500 triệu người và GDP chiếm khoảng 30% GDP toàn cầu, sức mua theo đầu người khoảng 32.700 USD/năm. Đây là một thị trường đầy tiềm năng mà nhiều nước, nhiều doanh nghiệp đã và đang tìm cách khai phá và thâm nhập. Về mặt hàng, tiếp tục thúc đẩy xuất khẩu các nhóm mặt hàng đã xuất khẩu sang thị trường này như các sản phẩm như thủy hải sản chế biến và đông lạnh.

Thị trường Châu Mỹ: Tiếp tục củng cố và mở rộng thị phần xuất khẩu tại các nước khu vực Bắc Mỹ, nhất là thị trường Mỹ, đồng thời tận dụng có hiệu quả lộ trình cắt giảm thuế quan theo tinh thần Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) để mở rộng thị phần xuất khẩu sang các thị trường Canada, Mexico, Chi Lê, Peru và Brazil. Về mặt hàng, tập trung xuất khẩu những nhóm hàng như thủy hải sản chế biến, dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ,...

Thị trường Trung Quốc (cả Hồng Kông và Đài Loan), Nhật Bản, Hàn Quốc: Tiếp tục tận dụng tối đa các ưu đãi từ các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) đa phương và song phương để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản. Về mặt hàng, tăng cường xuất khẩu nhóm hàng thủy hải sản chế biến, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ...

Thị trường các nước Asean: Giai đoạn 2021 – 2025, với sự ra đời Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) mức độ mở cửa theo cam kết của các nước ASEAN rất lớn. Do vậy cần đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Philippines và các thị trường còn nhiều tiềm năng xuất khẩu là Lào, Myanmar, về mặt hàng, tăng cường xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến, chế tạo có hàm lượng công nghệ cao, nguyên liệu đầu vào là sản phẩm trong nước; tiếp tục đẩy mạnh và duy trì xuất khẩu nhóm hàng các sản phẩm như nông sản, phân bón.

Thị trường các nước Trung Đông và Châu Phi: Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có thế mạnh của tỉnh sang các nước như Nam Phi, Ai Cập, Kuwait, Iran, Ả Rập Saudi, Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất... Về mặt hàng, thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng gạo, dệt may...

4.2. Giải pháp nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp, hàng hóa xuất khẩu

4.2.1. Tạo lập môi trường đầu tư, phát triển doanh nghiệp xuất khẩu

Xây dựng các chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp, mặt hàng của Cà Mau có kim ngạch xuất khẩu lớn, ưu tiên các doanh nghiệp xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế mạnh (*như tôm đông, tôm sinh thái, bánh phồng tôm, cua biển; mực, cá, gạo, gỗ, chuối, máy cho tôm ăn; phân đạm...*) phù hợp với cam kết của các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết.

Cải thiện môi trường đầu tư thông thoáng hơn để thu hút các nguồn lực thuộc các thành phần kinh tế; bổ sung các danh mục các lĩnh vực, dự án đầu tư trọng điểm của tỉnh cũng như các chính sách khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên sản xuất các mặt hàng phục vụ xuất khẩu.

4.2.2. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ

Tranh thủ tiếp cận công nghệ hiện đại của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để nâng cao năng lực cạnh tranh, thâm nhập vào thị trường thế giới và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu ở những nấc thang giá trị cao.

Mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư công nghệ, nâng cao chất lượng hàng hoá, đa dạng hóa, cải tiến mẫu mã sản phẩm, lựa chọn nguồn nguyên vật liệu đầu vào phù hợp với yêu cầu về nguyên tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan từ các Hiệp định thương mại tự do.

Nâng cao chất lượng, bảo đảm đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm và tiêu chuẩn kỹ thuật của nông sản xuất khẩu; hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (HACCP)...; đẩy mạnh liên kết giữa người sản xuất với doanh nghiệp, tổ chức hiệu quả chuỗi cung ứng từ thu mua nguyên liệu đầu vào đến khâu tổ chức sản xuất và xuất khẩu.

4.2.3. Phát triển nguồn nhân lực

Hỗ trợ các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong công tác đào tạo nguồn nhân lực theo hướng gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp. Từng bước thực hiện đào tạo theo yêu cầu, định hướng của các doanh nghiệp, đáp ứng những tiêu chuẩn, điều kiện về lao động đặt ra từ phía các nhà nhập khẩu.

Tổ chức tập huấn về kiến thức pháp luật quốc tế, nghiệp vụ xuất nhập khẩu, thuế, hải quan, khởi sự doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, kỹ năng xúc tiến thương mại, xây dựng và phát triển thương hiệu, tìm kiếm thông tin thương mại... nhằm trang bị kiến thức, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và người làm công tác chuyên môn về xuất nhập khẩu cho các doanh nghiệp.

Tăng cường quản lý có hiệu quả và tạo điều kiện cho các tổ chức của người lao động hoạt động tại doanh nghiệp

nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4.3. Giải pháp phát triển các mặt hàng phục vụ xuất khẩu

Xây dựng những chính sách phát triển cụ thể cho từng mặt hàng, nhóm hàng xuất khẩu chủ lực, có lợi thế, những mặt hàng đang được hưởng những điều kiện ưu đãi do hội nhập kinh tế toàn cầu, kinh tế khu vực mang lại.

Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh chế biến sâu các sản phẩm từ mặt hàng thô có tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu lớn, duy trì mặt hàng phân đạm, phát triển ngành hàng may xuất khẩu. Khuyến khích phát triển mặt hàng mới trên cơ sở khai thác tiềm năng và lợi thế của tỉnh về điều kiện tự nhiên, nhân lực, công nghệ chế biến sâu từ các nguồn nguyên liệu nông, lâm, thủy sản.

Nâng cao chất lượng các sản phẩm xuất khẩu, đa dạng hóa mẫu mã, duy trì nguồn khách hàng ổn định tại các thị trường truyền thống, đồng thời nâng cao hàm lượng giá trị “nội khối” nhằm đáp ứng tốt quy tắc xuất xứ được thiết kế riêng cho mỗi Hiệp định thương mại tự do để hàng hóa xuất khẩu được hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt của Hiệp định đó.

Chú trọng xây dựng thương hiệu sản phẩm; giới thiệu, quảng bá sản phẩm đặc trưng của tỉnh tại các hội chợ quốc tế, thông qua Thương vụ/Đại sứ quán Việt Nam tại nước ngoài, trên các kênh truyền hình lớn của khu vực và thế giới.

Khuyến khích các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản trên địa bàn đầu tư phát triển vùng nguyên liệu trên cơ sở tăng cường liên kết giữa các thành phần trong

chuỗi cung sản phẩm an toàn từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ nông sản phục vụ xuất khẩu.

Hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng vùng nguyên liệu nông sản theo hướng hữu cơ, tiêu chuẩn hữu cơ và các tiêu chuẩn GAP (VietGAP, GlobalGAP,...), hình thành chuỗi cung ứng từ sản xuất nguyên liệu, thu gom, vận chuyển, chế biến đến xuất khẩu theo yêu cầu của thị trường.

4.4. Giải pháp xúc tiến thương mại, phát triển thị trường

Hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu khảo sát tìm kiếm, mở rộng thị trường. Cùng cố thị trường truyền thống, phát triển thị trường mới, đa dạng hoá thị trường, nhất là các nước tham gia các Hiệp định thương mại tự do và Việt Nam đã ký kết, như EVFTA, CPTPP, RCEP... đưa hàng hoá Cà Mau đến được thị trường các nước trên thế giới.

Tăng cường thiết lập mối quan hệ với các cơ quan Thương vụ, Tham tán Thương mại Việt Nam tại các nước để thu thập thông tin tình hình thị trường, về doanh nghiệp nhập khẩu, cơ chế chính sách xuất khẩu của các nước, lộ trình cắt giảm thuế quan, các rào cản kỹ thuật trong thương mại, dự báo các chiều hướng cung – cầu hàng hóa và dịch vụ.

4.5. Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ xuất khẩu

4.5.1. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu, cụm công nghiệp

Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp tại các huyện, thành

phổ trên địa bàn tỉnh thu hút các dự án phát triển sản xuất phục vụ xuất khẩu. Đến năm 2025, phấn đấu hoàn thiện, củng cố và chuẩn hóa các cụm công nghiệp, trong đó triển khai thành lập một số cụm công nghiệp riêng để phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ.

Đầu tư xây mới và nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, kho, bến bãi trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là những tuyến giao thông đang xuống cấp, gây khó khăn trong vận chuyển hàng hóa sản xuất, kinh doanh xuất khẩu trên địa bàn.

4.5.2. Phát triển dịch vụ Logistics

Tiếp tục kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án hạ tầng logistics nhằm phát triển nhanh, đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng, kho tàng bến bãi tại các khu, cụm công nghiệp; khuyến khích các nhà đầu tư thực hiện các dự án hạ tầng logistics có tính đa dạng kết hợp bốc xếp, kho bãi, vận chuyển, đóng gói và hỗ trợ, đa dạng hóa các dịch vụ đi kèm.

4.5.3. Phát triển xuất khẩu qua thương mại điện tử

Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển thương mại điện tử khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện phương pháp tiếp cận thị trường theo xu hướng hiện đại, phi truyền thống như tìm kiếm đối tác trên không gian mạng thông qua việc thuê gian hàng của các website bán hàng trực tuyến lớn trên thế giới để tăng cường quảng bá sản phẩm, giảm chi phí trong giao dịch, hạ giá thành sản phẩm xuất khẩu.

Tổ chức các chương trình tập huấn, khóa đào tạo ngắn hạn về ứng dụng thương mại điện tử cho doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu

trên địa bàn tỉnh theo các chủ đề chuyên sâu, phù hợp với lĩnh vực kinh doanh.

4.6. Đối với Hiệp hội doanh nghiệp, các doanh nghiệp xuất khẩu

4.6.1. Các Hiệp hội doanh nghiệp

Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh phối hợp với sở, ngành, địa phương khuyến khích phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp cung ứng đầu vào cho sản xuất, nuôi trồng, thu mua, chế biến cung ứng hàng xuất khẩu.

Hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản tỉnh Cà Mau vận động các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu hợp tác, hỗ trợ để tạo thế mạnh trong xuất khẩu; cung cấp thông tin thị trường đến các hội viên để nâng cao tính chủ động, phòng ngừa rủi ro khi thị trường biến động; nâng cao cạnh tranh trên thị trường và tăng kim ngạch xuất khẩu.

4.6.2. Các doanh nghiệp sản xuất chế biến, xuất khẩu

Cần nghiên cứu xây dựng kế hoạch, phương án kinh doanh, chiến lược xuất khẩu, cơ cấu mặt hàng, sản phẩm, tăng sản lượng sản phẩm giá trị gia tăng, tăng kim ngạch xuất khẩu; đổi mới công nghệ, cải tiến dây chuyền, máy móc thiết bị, tăng năng suất lao động, giảm giá thành, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài nước, tạo dựng thương hiệu, hình ảnh doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường, củng cố thị trường truyền thống, phát triển thị trường mới; tranh thủ cơ hội ưu đãi từ các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết.

Đào tạo và thu hút lao động có tay nghề cao, đặc biệt đội ngũ cán bộ làm công tác ngoại thương được trang bị kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, am hiểu luật pháp quốc tế, nâng cao nghiệp vụ kinh doanh thương mại quốc tế.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước, phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc về xuất nhập khẩu để cùng tháo gỡ.

5. Kết luận

Xuất khẩu luôn được xem là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Cà Mau, hoạt động này góp phần vào việc khai thác hiệu quả lợi thế kinh tế của địa phương. Nhờ có hoạt động xuất khẩu mà quá trình cung cầu hàng hóa và dịch vụ của thị trường trong và ngoài nước trở nên sinh động, tạo điều kiện để phát triển kinh tế và làm giàu cho địa phương. Bên cạnh đó, ngoài lợi ích về mặt kinh tế, hoạt động xuất nhập khẩu còn mang lại cho mỗi quốc gia những lợi ích về mặt khoa học, công nghệ giúp thay đổi lực lượng

sản xuất của một quốc gia, khai thác được nguồn lực khoa học công nghệ tiên tiến của những nước phát triển trên thế giới; phát triển hoạt động xuất khẩu sẽ phát huy được vai trò là mũi nhọn của nền kinh tế. Trên cơ sở phân tích thực trạng xuất khẩu của tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017 – 2021 và thông tin về các thị trường xuất khẩu, tác giả đã đề xuất định hướng thị trường xuất khẩu và phát triển sản phẩm tìm năng cho xuất khẩu của tỉnh Cà Mau trong giai đoạn 2021–2025. Trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng về mọi mặt, nhất là lĩnh vực kinh tế, các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh cũng như các doanh nghiệp xuất khẩu cần nỗ lực, chung tay triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp nâng cao nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động sản xuất xuất khẩu là vấn đề hết sức quan trọng và then chốt giúp địa phương tăng kim ngạch xuất khẩu và có điều kiện tốt hơn trong phát triển kinh tế - xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Công Thương, *Báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 -2021*, 2021.
- [2][2] Sở Công Thương Cà Mau, *Báo cáo tổng kết ngành Công Thương*, (2017, 2018, 2019, 2020, 2021).
- [3][3] Cục Hải quan tỉnh Cà Mau, *Báo cáo kết quả thực hiện công tác năm và phương hướng nhiệm vụ năm*, (2017, 2018, 2019, 2020, 2021).
- [4][4] Bài báo khoa học: Bùi Anh Tuấn; “Đẩy mạnh xuất khẩu tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2020 - 2030”. Tạp chí Quản lý và kinh tế quốc tế. 2021; số 134

- (01/2021). Có sẵn tại <http://tapchi.flu.edu.vn>.
- [5][5] Thủ tướng Chính phủ, “*Quyết định số 493/QĐ-TTg: Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030*”, 2022.
- [6][6] Tỉnh ủy Cà Mau, “*Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 – 2025*”, 2020.
- [7][7] Tổng Cục hải quan, *Giá trị xuất, nhập khẩu chia theo tỉnh/thành phố*, (2017, 2018, 2019, 2020, 2021).

Ngày nhận bài: 28/8/2022

Ngày hoàn thành sửa bài: 15/9/2022

Ngày chấp nhận đăng: 17/9/2022